

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRỰC NINH  
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 02 - 06 - 2023.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Chu Thái Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Cao Trung Kiên

Bà Lưu Thị Thanh Nhâm

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 06 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 18 tháng 05 năm 2023, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị H; sinh năm 1985; Nơi cư trú: Xóm 20, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

*Bị đơn:* Anh Tạ Văn D; sinh năm 1984; Nơi cư trú: TDP T, thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Tạ Văn D kết hôn ngày 20 tháng 11 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến ngày

10 tháng 06 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị đề nghị xin ly hôn với anh D để yên tâm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Tạ Thu T, sinh ngày 13/12/2014. Hiện con chung đang ở cùng với chị H. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo phiên hòa giải đối với anh Tạ Văn D. Tuy nhiên, anh D vắng mặt không đến Tòa án trình bày quan điểm.

Chị Phạm Thị H có đơn yêu cầu Tòa án xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương là anh Tạ Văn D là chồng của chị Phạm Thị H. Anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định. Anh D hiện không có mặt tại địa phương. Bố đẻ của anh D đã chết. Mẹ đẻ của anh D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng hiện tại đi làm ăn xa, không rõ địa chỉ cụ thể.

Đại diện Tòa án đã đến làm việc với bà Tạ Thị M là chị gái của anh D cư trú tại Xóm T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Tuy nhiên, bà M xác định không liên quan đến việc ly hôn giữa chị H và anh D nên từ chối không cung cấp thông tin.

Căn cứ vào đơn yêu cầu của chị Phạm Thị H, TAND huyện Trực Ninh ra thông báo đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng đối với anh Tạ Văn D trên 03 số báo liên tiếp tại Báo Công Lý, phát sóng trên hệ thống phát thanh 03 lần trong 03 ngày liên tiếp trên Đài tiếng nói Việt Nam về nội dung khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị H và ấn định lịch làm việc, lịch mở phiên tòa xét xử cho anh D được biết. Tuy nhiên, anh D vẫn vắng mặt không có lý do.

### ***Quan điểm của kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa:***

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70;71 BLTTDS.

Bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú đã được Tòa án ra thông báo đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng thông báo nội dung khởi kiện cho bị đơn theo quy định pháp luật. Hết thời hạn Tòa án ấn định, bị đơn không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng

mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS.

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập đến lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 227; 228; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy vợ chồng chị H, anh D sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56 chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị H.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Tạ Thu T, sinh ngày 13/12/2014. Chấp nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản, công nợ: đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70;71 BLTTDS.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú nên Tòa án ra thông báo đăng tin trên các phương tiện thông tin đại chúng thông báo nội dung khởi kiện cho bị đơn theo quy định pháp luật. Tuy nhiên hết thời hạn Tòa án ấn định, bị đơn không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các điều 70; 72 BLTTDS. .

Việc Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt mặc dù đã được triệu tập đến lần thứ 2 là đúng quy định tại Điều 227; 228; 238 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Phạm Thị H và anh Tạ Văn D kết hôn ngày 20 tháng 11 năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định (nay là thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định). Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến ngày 10 tháng 06 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai. Nay chị H đề nghị xin ly hôn với anh D để yên tâm ổn định cuộc sống.

Sau khi chị H có đơn xin ly hôn, Tòa án đã thông báo nội dung khởi kiện cho anh D nhưng anh D không có mặt tại địa phương thị trấn N. Căn cứ vào đơn yêu cầu của chị Phạm Thị H, Tòa án ra thông báo đăng tin trên các phương

tiện thông tin đại chúng để thông báo nội dung khởi kiện ly hôn của chị H và ấn định thời gian làm việc đối với anh D theo quy định pháp luật nhưng anh D vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh D đã thực sự tan vỡ, vợ chồng sống ly thân đã lâu. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ được nữa. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng chị H, anh D có 01 con chung là Tạ Thu T, sinh ngày 13/12/2014. Hiện con chung đang ở với chị H. Sau khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

HĐXX xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, anh D không đến Toà án trình bày quan điểm về yêu cầu ly hôn của chị H. Để đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cần giao cho chị H trách nhiệm tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung của chị H.

[4] Về tài sản chung, công nợ: đương sự không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Anh D có thể khởi kiện bằng vụ kiện khác về thay đổi nuôi con, tài sản chung, khoản nợ chung của vợ chồng nếu như có yêu cầu và có căn cứ chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ và đúng pháp luật.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Tạ Văn D.

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị H trách nhiệm nuôi dưỡng con chung là Tạ Thu T, sinh ngày 13/12/2014. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu anh D cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung của chị H.

Hiện con chung là Tạ Thu T đang ở cùng chị H anh Tạ Văn D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền 0002193 ngày 23/12/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh

Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị H phải nộp. Chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H, anh Tạ Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND thị trấn N, huyện T, tỉnh Nam Định;
- UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Chu Thái Hà**